

Số: /2019/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2019

Dự thảo

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định số 38/2015/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2015 của UBND thành phố ban hành quy định về quản lý cán bộ, công chức phường, xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Bộ Luật Lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quy định số lượng Phó Chủ tịch UBND và quy trình thủ tục, bầu, từ chức, miễn nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27 tháng 5 năm 2010 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số /TTr-SNV ngày tháng năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 38/2015/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2015 của UBND thành phố ban hành quy định về quản lý cán bộ, công chức phường, xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

1. Sửa đổi Khoản 1, Điều 3 như sau:

“1. Về số lượng, chức vụ, chức danh:

a) Cấp xã loại 1: tối đa 22 người;

b) Cấp xã loại 2: tối đa 20 người.

Số lượng từng chức danh cán bộ, công chức cấp xã cụ thể tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này. Đối với các chức danh: Văn phòng - Thống kê, Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường (đối với phường) hoặc Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (đối với xã), Tài chính - Kế toán, Tư pháp - Hộ tịch, Văn hóa - Xã hội; UBND các quận, huyện xây dựng phương án bố trí cụ thể từng chức danh phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, tuy nhiên phải đảm bảo các chức danh đều có công chức đảm nhận và mỗi chức danh bố trí tối đa không quá 02 người”.

2. Bãi bỏ Điểm a, c, Khoản 3, Điều 3.

3. Sửa đổi quy định về tuổi và trình độ chuyên môn nghiệp vụ để bổ nhiệm lần đầu đối với Bí thư, Phó bí thư Đảng ủy phường, xã; Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐND phường, xã; Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND phường, xã tại Điểm a, Khoản 2, Điều 4 như sau:

“- Về tuổi: Tuổi bổ nhiệm lần đầu phải đủ tuổi để công tác trọn 01 (một) nhiệm kỳ;

- Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Tốt nghiệp đại học trở lên”.

4. Sửa đổi quy định về trình độ chuyên môn nghiệp vụ đối với Bí thư, Phó bí thư Đảng ủy phường, xã; Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐND phường, xã; Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND phường, xã tái cử tại Điểm b, Khoản 2, Điều 4 như sau:

“- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Tốt nghiệp đại học trở lên”.

5. Sửa đổi quy định về trình độ tin học đối với công chức phường, xã tại Điểm a, Khoản 2, Điều 5 như sau:

“- Trình độ tin học: Có chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông”.

6. Sửa đổi Điểm b, Khoản 2, Điều 5 như sau:

“b) Tiêu chuẩn cụ thể đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành”.

7. Bãi bỏ Điểm a, Khoản 3, Điều 5.

8. Sửa đổi, bổ sung Điểm b, c, g, Khoản 3, Điều 5 như sau:

“b) Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự: chuyên ngành quân sự cơ sở;

c) Đối với chức danh Văn phòng - Thống kê: bổ sung nhóm ngành kinh tế;

g) Đối với chức danh Văn hóa - Xã hội: bổ sung nhóm ngành thể dục, thể thao; sự phạm và du lịch”.

9. Sửa đổi Điều 6 như sau:

“Điều 6. Chế độ, chính sách

1. Việc xếp lương, chế độ nâng bậc lương, phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP của Chính phủ; Khoản 2, Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ và Khoản 2, Điều 6 Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH.

2. Cán bộ, công chức cấp xã được hưởng phụ cấp công vụ theo quy định tại Nghị định số 34/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về chế độ phụ cấp công vụ.

3. Cán bộ, công chức cấp xã được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định tại Khoản 3, Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Cán bộ, công chức cấp xã thôi việc do sắp xếp số lượng theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định này thì được hưởng chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP”.

10. Sửa đổi Khoản 1, 2, 3, Điều 7 như sau:

“1. Về điều kiện, tiêu chuẩn

a) Được cơ quan quản lý trực tiếp có quyết định cử đi đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

b) Ngành nghề đào tạo phù hợp với chức vụ cán bộ và chức danh công chức đang đảm nhận theo quy định tại Khoản 3, Điều 4; Khoản 3, Điều 5 Quyết định số 38/2015/QĐ-UBND và sửa đổi, bổ sung tại Khoản 8, Điều 1 Quyết định này;

c) Có chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Về trình tự, thủ tục thực hiện

- a) Hồ sơ cá nhân của người đề nghị chuyển xếp lương
- Đơn đề nghị được xếp lương theo trình độ chuyên môn mới (Phụ lục II);
 - Quyết định của cơ quan có thẩm quyền cử đi đào tạo;
 - Bản sao có chứng thực các văn bằng (kể cả văn bằng đào tạo trước đó: trung cấp, cao đẳng); chứng chỉ tin học. Không chấp nhận giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời;
 - Quyết định phê chuẩn hoặc chuẩn y các chức danh cán bộ; quyết định tuyển dụng công chức;
 - Bản sao các quyết định lương trong quá trình công tác;
 - Bản sao sổ bảo hiểm xã hội.
- b) Chủ tịch UBND quận, huyện quyết định xếp lương theo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ mới đối với cán bộ, công chức cấp xã sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Nội vụ.

3. Thẩm quyền xếp lương

- a) Chủ tịch UBND quận, huyện quyết định việc xếp lương cho cán bộ, công chức cấp xã trên cơ sở trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phải phù hợp với chức vụ cán bộ và chức danh công chức đang đảm nhận theo quy định tại Khoản 3, Điều 4; Khoản 3, Điều 5 Quyết định số 38/2015/QĐ-UBND và sửa đổi, bổ sung tại Khoản 8, Điều 1 Quyết định này;
- b) Giám đốc Sở Nội vụ có ý kiến bằng văn bản trước khi Chủ tịch UBND quận, huyện quyết định xếp lương đối với trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng quy định tại Khoản 12, Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ”.

11. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Điều 9 như sau:

“1. Căn cứ, điều kiện, phương thức, thẩm quyền tuyển dụng công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 9 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ và Điều 10 Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Đối tượng ưu tiên và hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Khoản 2, 3, Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ”.

12. Sửa đổi Điều 10 như sau:

“Điều 10. Tổ chức thi tuyển; trình tự, thủ tục tuyển dụng công chức cấp xã

Tổ chức thi tuyển; trình tự, thủ tục tuyển dụng công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 18 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ; Khoản 4, 5, 8, 9, 10, Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ”.

13. Sửa đổi Điều 12 như sau:

“Điều 12. Thời gian ra quyết định tuyển dụng và nhận việc

Quyết định tuyển dụng và nhận việc thực hiện theo quy định tại Khoản 1, 2, 3, Điều 20 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ và Khoản 11, Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ”.

14. Sửa đổi Điều 13 như sau:

“Điều 13. Điều kiện, tiêu chuẩn và quy trình tuyển dụng công chức cấp xã đối với các trường hợp đặc biệt

1. Điều kiện, tiêu chuẩn tuyển dụng công chức cấp xã đối với các trường hợp đặc biệt được thực hiện theo quy định tại Khoản 12, Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.

2. Giám đốc Sở Nội vụ có ý kiến bằng văn bản đối với các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức cấp xã trước khi Chủ tịch UBND các quận, huyện ban hành quyết định tuyển dụng”.

15. Sửa đổi Điều 14 như sau:

“Điều 14. Hồ sơ đề nghị tiếp nhận công chức cấp xã đối với các trường hợp đặc biệt

Hồ sơ đề nghị tiếp nhận công chức cấp xã đối với các trường hợp đặc biệt thực hiện theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 06/2012/TT-BNV”.

16. Sửa đổi Khoản 2, 3, Điều 15 thành Khoản 2 như sau:

“2. Giám đốc Sở Nội vụ có ý kiến bằng văn bản trước khi Chủ tịch UBND quận, huyện xem xét, quyết định điều động, tiếp nhận cán bộ, công chức cấp xã ra ngoài thành phố và từ tỉnh, thành phố khác đến thành phố Đà Nẵng”.

17. Sửa đổi Điều 17 như sau:

“Điều 17. Xét chuyển, điều động, tiếp nhận cán bộ, công chức thuộc biên chế Quận, Huyện ủy; UBND quận, huyện về bố trí chức danh cán bộ, công chức phường, xã; bố trí sang chức danh công chức cấp xã khác

1. Trước khi ban hành quyết định xét chuyển cán bộ, công chức phường, xã thành biên chế Quận, Huyện ủy trở lên phải có văn bản thông báo cho Chủ tịch UBND quận, huyện, phường, xã để chuẩn bị nhân sự thay thế.

2. Trình tự, thủ tục bầu các chức danh UBND phường, xã thực hiện theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quy định số lượng Phó Chủ tịch UBND và quy trình thủ tục, bầu, từ chức, miễn nhiệm, điều động, cách chức thành viên UBND.

3. Cán bộ, công chức phường, xã do nhu cầu công tác cán bộ được cấp có thẩm quyền điều động về quận, huyện thì điều kiện, tiêu chuẩn, thẩm quyền và thủ tục để xét chuyển cán bộ, công chức phường, xã thành công chức quận, huyện thực hiện theo quy định tại Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và

Thông tư hợp nhất số 02/TTHN-BNV ngày 03 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

4. Ban Thường vụ Quận, Huyện ủy hoặc Chủ tịch UBND quận, huyện ban hành quyết định điều động, luân chuyển, bố trí cán bộ, công chức, viên chức thuộc biên chế Quận, Huyện ủy hoặc UBND quận, huyện về công tác tại phường, xã theo yêu cầu công tác.

5. Công chức phường, xã được tuyển dụng nhưng do nhu cầu thực tiễn công tác phải bố trí sang chức danh công chức phường, xã khác thì Chủ tịch UBND quận, huyện quyết định điều động, bố trí sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ về số lượng, điều kiện, tiêu chuẩn về chuyên ngành đào tạo.

6. Công chức phường, xã được bầu cử để đảm nhận các chức danh cán bộ phường, xã, sau khi có quyết định phê chuẩn hoặc chuẩn y theo quy định của Điều lệ Đảng, Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, Chủ tịch UBND phường, xã gửi Chủ tịch UBND quận, huyện (thông qua Phòng Nội vụ để quản lý).

7. Việc tiếp nhận, bố trí chức danh cán bộ, công chức phường, xã đảm bảo không vượt định mức tổng số lượng cán bộ, công chức phường, xã theo loại đơn vị hành chính, có tiêu chuẩn phù hợp theo quy định”.

18. Bãi bỏ Điểm d, Khoản 2, Điều 30.

19. Sửa đổi quy định về thẩm quyền điều động, tiếp nhận cán bộ, công chức phường, xã ra ngoài thành phố và từ tỉnh, thành phố khác đến tại Điểm g, Khoản 2, Điều 30 như sau:

“- Có ý kiến bằng văn bản trước khi Chủ tịch UBND quận, huyện xem xét, quyết định điều động, tiếp nhận cán bộ, công chức cấp xã ra ngoài thành phố và từ tỉnh, thành phố khác đến thành phố Đà Nẵng”.

20. Bổ sung Điểm h, i, Khoản 2, Điều 30 như sau:

“h) Có ý kiến bằng văn bản trước khi Chủ tịch UBND quận, huyện quyết định thôi việc, chấm dứt hợp đồng lao động đối với các trường hợp đang công tác tại phường, xã thuộc đối tượng thu hút nguồn nhân lực của thành phố, học viên Đề án 89;

i) Phê duyệt kết quả xét tuyển đặc cách cán bộ, công chức phường, xã thành viên chức tại các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND quận, huyện”.

21. Sửa đổi Khoản 2, Điều 31 như sau:

“2. Quyết định thay đổi chức danh công chức cấp xã sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ; quyết định điều động, tiếp nhận bố trí, chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức cấp xã trong số lượng quy định”.

22. Bổ sung Khoản 12, 13, 14, Điều 31 như sau:

“12. Quy định cụ thể số lượng từng chức danh công chức tại cấp xã.

13. Quyết định điều động, tiếp nhận cán bộ, công chức phường, xã ra ngoài thành phố và từ tỉnh, thành phố khác đến.

14. Quyết định thôi việc; quyết định chấm dứt hợp đồng lao động đối với các trường hợp đang công tác tại phường, xã thuộc đối tượng thu hút nguồn nhân lực của thành phố, học viên Đề án 89.

Có ý kiến bằng văn bản trước khi UBND phường, xã quyết định chấm dứt hợp đồng lao động đối với các trường hợp hợp đồng đảm nhận chức danh công chức phường, xã”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2019.

2. Bãi bỏ Điều 1 Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2018 của UBND thành phố về sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định số 38/2015/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2015 của UBND thành phố ban hành quy định về quản lý cán bộ, công chức phường, xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2016 của UBND thành phố ban hành quy định về chức danh, số lượng, tiêu chuẩn, chế độ chính sách và quản lý, sử dụng người hoạt động không chuyên trách phường, xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Chủ tịch UBND các quận, huyện, phường, xã và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố, các Ban HĐND thành phố;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Thành ủy;
- UBND TP. HCM;
- Các đoàn thể chính trị - xã hội thành phố;
- Các sở, ban, ngành;
- Đơn vị sự nghiệp thuộc UBND thành phố;
- Quận ủy, Huyện ủy;
- UBND các quận, huyện;
- Đảng ủy, UBND các phường, xã;
- Bảo hiểm xã hội thành phố;
- Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Báo Đà Nẵng;
- Lưu: VT, SNV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Đức Thơ

Phụ lục I

DANH MỤC SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC PHƯỜNG, XÃ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2019/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2019 của UBND thành phố Đà Nẵng)*

STT	Chức vụ, chức danh	Phường, xã loại 1	Phường, xã loại 2
1	Bí thư Đảng ủy (có thể bổ trí kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân)	1	1
2	Phó Bí thư Đảng ủy (có thể bổ trí kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân)	1	1
3	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân	1	1
4	Chủ tịch Ủy ban nhân dân	1	1
5	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân	2	1
6	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	1	1
7	Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	1	1
8	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	1	1
9	Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam ¹	1	1
10	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam	1	1
11	Chỉ huy trưởng Quân sự	1	1
12	Văn phòng - Thống kê	10	9
13	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường (đối với phường) hoặc Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (đối với xã)		
14	Tài chính - Kế toán		
15	Tư pháp - Hộ tịch		
16	Văn hóa - Xã hội		
Tổng cộng²		22	20

¹ Chỉ áp dụng đối với cấp xã có hoạt động nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và có tổ chức Hội Nông dân Việt Nam.

² Tổng số lượng cán bộ, công chức cấp xã đã giảm 01 (một) chỉ tiêu của chức danh Trưởng công an.

Phụ lục II

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN XẾP LƯƠNG KHI THAY ĐỔI TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2019/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2019 của UBND thành phố Đà Nẵng)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Về chuyển xếp lương khi thay đổi trình độ chuyên môn, nghiệp vụ

Kính gửi:

- Giám đốc Sở Nội vụ;
- Chủ tịch UBND quận, huyện...;
- Chủ tịch UBND phường, xã....

Tên tôi là: Nam (nữ):

Ngày sinh:

Chức vụ:

Nơi công tác:

Lương hiện hưởng: Mã số ngạch..... bậc... hệ số.... từ ngày.....

Thời gian xét nâng lương lần sau từ ngày

Trình độ chuyên môn hiện nay:.....

Chuyên ngành đào tạo:

Sau khi nghiên cứu điều kiện được chuyển xếp lương khi thay đổi trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đào tạo; tôi thấy bản thân có đủ điều kiện để chuyển xếp lương theo trình độ chuyên môn.... Vì vậy, tôi làm đơn này đề nghị được chuyển xếp lương từ ngạch... lên ngạch...

Đà Nẵng, ngày... tháng... năm ...

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)